TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huệ

2. Bà Võ Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Nai.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2025/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXX - ST ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Thanh H, sinh năm 1980

Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Nay là thôn 11, xã A, tỉnh Đồng Nai)

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lưu Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Thanh H và anh Trương Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 27/12/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây chị H và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tình cảm. Hiện nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai giải quyết được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H và anh T có 04 người con chung là cháu Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1998; Trương Minh V, sinh năm 2000; Trương Thị Mỹ L1, sinh năm 2006 và Trương Minh V, sinh ngày 05/9/2009. Hiện nay các cháu L, V, L1 đã thành

niên nên chị H không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu V chưa thành niên, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Vĩ.

Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian và nơi đăng ký kết hôn. Quá trình trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh T có một người có 04 người con chung là các cháu Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1998; Trương Minh V, sinh năm 2000; Trương Thị Mỹ L1, sinh năm 2006 và Trương Minh V, sinh ngày 05/9/2009.

Đối với con chung, vấn đề cấp dưỡng thì anh T thống nhất theo yêu cầu của chị H.

Về tài sản chung: Anh T và chị H từ thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T và chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Văn T. Hiện nay bị đơn cư trú tại xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

[2] Đây là vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án không có sự tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên.

[3] Đối với việc giải quyết vắng mặt của các bên đương sự. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị Lưu Thị Thanh H và anh Trương Văn T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước (Nay là xã A, tỉnh Đồng Nai) vào năm 2002. Điều này phù hợp với Trích lục kết hôn số

51/TLKH-BS ngày 10/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước đã được chị H cung cấp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

[5] Về mâu thuẫn gia đình: Chị H và anh T đều thống nhất trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên chị H yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của chị H.

[6] Về con chung: Chị H và anh T có 04 người con chung là cháu Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1998; Trương Minh V, sinh năm 2000; Trương Thị Mỹ L1, sinh năm 2006 và Trương Minh V, sinh ngày 05/9/2009. Hiện nay cháu L, V, L1 đã thành niên nên chị H, anh T không yêu cầu giải quyết. Đối cháu Vĩ chưa đủ 18 tuổi thì chị H và anh T thống nhất giao cháu V cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của chị H và anh T, giao cháu Vĩ cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[7] Về vấn đề cấp dưỡng: Chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Chị H và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; bị đơn anh T ipkhông phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Thanh H về việc ly hôn. Chị H được ly hôn với anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Minh V, sinh ngày 05/9/2009 cho chị Lưu Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom **c**on của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị H không yêu cầu.

4. Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị H và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Lưu Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp trước theo Biên lai thu tiền số 0009774 ngày 06/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12- Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Nghĩa Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào